

TIẾP NHẬN ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC TRÀO LƯU TƯ TƯỞNG PHƯƠNG TÂY ĐỐI VỚI VĂN HỌC TRUNG QUỐC NỬA SAU THẾ KỈ XX

Nguyễn Thị Mai Chanh

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Bước vào thập niên 90 của thế kỉ XX, trước bầu không khí xã hội và văn hóa dần đi vào sự đa dạng, “phức tạp hóa”, không khí hồ hởi, nhiệt thành của buổi đầu đổi mới văn học Trung Quốc cũng từng bước lắng dịu. Các cao trào văn nghệ sôi động dưới ảnh hưởng của tư tưởng học thuật phương Tây dần giảm nhiệt. Họ biết rằng, cái tinh thần khai sáng chấy bùng buổi đầu đầu dễ soi rọi khắp được muộn nẻo xã hội thể tục - cái xã hội đang sôi lên bởi các doanh nhân thành đạt. Và văn nghệ nếu không đi ra được nhà sách, rạp hát, lên sóng truyền hình thì cũng chỉ là đồ trưng bày. Vì thế, chưa bao giờ văn nghệ lại xích lại gần hơn với thị trường như giai đoạn này. Văn học có xu hướng rời xa dần trung tâm, đi vào ngoại biên hóa. Học thuật Trung Quốc nói chung, văn học nói riêng giờ đây sở dĩ không quá tụt hậu so với diễn biến đồng đại ở phương Tây chính là bởi nó được thừa kế từ một quãng thời gian khai phóng tư tưởng trước đó, các nhà văn, nhà nghiên cứu được đào tạo về cơ bản. Bài viết của chúng tôi nghiên cứu tình hình tiếp nhận ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng phương Tây đối với văn học Trung Quốc nửa sau thế kỉ XX với mục đích phân nào lí giải hiện tượng trên.

Từ khóa: tiếp nhận, dịch thuật, ảnh hưởng, trào lưu tư tưởng phương Tây, văn học Trung Quốc.

1. Mở đầu

Năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (theo cách gọi phổ biến tại Đại lục là “Tân Trung Quốc”) được thành lập và tự cô lập với phương Tây. Rất nhanh sau đó, Trung Quốc và phương Tây ở vào thế đối đầu chính trị gay gắt. Tại nước Trung Quốc mới, toàn bộ tác phẩm khoa học xã hội nhân văn cũng như triết học của “tư sản phương Tây” đều phải được phê phán nghiêm khắc. Trong bối cảnh ấy, việc nghiên cứu, dịch thuật các tác phẩm phương Tây nói chung tại đất nước này ở trong tình trạng xuống dốc hẳn so với thời kì trước năm 1949. Các ngành khoa học xã hội nhân văn khác cũng đều trong tình cảnh tương tự, nếu không muốn nói là còn đơn điệu hơn. Tình hình càng trở nên trầm trọng trong thập niên đại động loạn của cuộc Cách mạng văn hóa (1966-1976) và chỉ được hồi sức, đổi mới kể từ sau khi Trung Quốc tiến hành công cuộc Cải cách mở cửa với mục tiêu “bốn hiện đại hóa” đất nước. Đúng như nhà nghiên cứu Trình Quang Vỹ nhận định: “Ba mươi năm sau của văn học đương đại... khác biệt căn bản so với văn học “ba mươi năm trước” ở chỗ bối cảnh lịch sử thay đổi lớn. Trong “ba mươi năm trước”, do chiến tranh lạnh, các nước phương Tây “cô lập” Trung Quốc thành một “ốc đảo”, cho nên văn học đương đại thực ra là “văn học bản thổ” điển hình, tài nguyên ngoại lai duy nhất là văn học chủ nghĩa xã hội Liên Xô, Đông Âu. Trong “ba mươi năm sau”, do quan hệ Trung Quốc và Mỹ cải thiện triệt để, kéo theo điều chỉnh chính sách cấm vận Trung Quốc của phương Tây, sự thay đổi này đã thúc đẩy sự ra đời của quốc sách “cải cách mở cửa” đã kéo

Ngày nhận bài: 1/7/2022. Ngày sửa bài: 23/7/2022. Ngày nhận đăng: 2/8/2022.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Mai Chanh. Địa chỉ e-mail: maichanh@hnue.edu.vn

dài hơn ba mươi năm” [1]. Bài viết của chúng tôi qua việc điem lược tình hình dịch thuật, tiếp nhận các trào lưu tư tưởng phương Tây cũng như ảnh hưởng của các trào lưu đó đối với văn học nói riêng, văn hóa học thuật nói chung tại Trung Quốc nửa sau thế kỉ XX không ngoài mục đích lí giải nguyên nhân vì sao văn học đương đại Trung Quốc từ sau thập niên 80 của thế kỉ XX đã có thể “trở thành một phần”, một “mắt xích trong dây chuyền sản xuất” của văn học thế giới. Đây là vấn đề ở Việt Nam chưa được đi sâu nghiên cứu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dịch thuật, tiếp nhận các trào lưu tư tưởng phương Tây trong chặng đường mười lăm năm sau lập quốc

Như đã nói, tại Trung Quốc sau năm 1949, một hoàn cảnh xã hội mới đã được xác lập. Hoàn cảnh đó định hình không gian văn hóa mới cho sự tồn tại của toàn thể nền văn nghệ - một nền văn nghệ thể chế hóa cao độ, khác hẳn với nền văn học nghệ thuật nửa đầu thế kỉ XX thời Trung Hoa Dân Quốc (1911). Giao lưu học thuật với phương Tây lúc này gần như đóng băng. Nếu có tài liệu khoa học xã hội nhân văn được dịch thì chủ yếu chỉ để làm “ví dụ phản diện” hoặc để “tham khảo nội bộ”. Giới học thuật cũng dần kiêng tránh nhắc tên hay dẫn dụng tác phẩm của các trường phái học thuật được coi là “tư sản phương Tây”. Những cái tên như Jean-Paul Sartre, Martin Heidegger... chỉ được đề cập “ngoài vòng viết lách” nơi các nhóm nhỏ trí thức sử dụng ngoại ngữ mà thôi. Quan điểm văn nghệ của Lê Nin và tinh thần “Bài nói chuyện trong tọa đàm văn nghệ Diên An” của lãnh tụ Mao Trạch Đông đã trở thành kim chỉ nam của hoạt động văn nghệ và học thuật khoa học xã hội nhân văn Trung Quốc thời kì ấy. Việc dịch thuật, xuất bản các ấn phẩm chiếm vai trò quan trọng trong công tác truyền bá tư tưởng “chủ nghĩa duy vật”, còn “chủ nghĩa duy tâm tư sản”, trái lại, bị phê phán gay gắt. Điều đặc biệt là các tài liệu tiếng Nga chiếm địa vị chủ đạo trong số các tác phẩm dịch thuật lúc bấy giờ. Chẳng hạn, các nhà xuất bản quyền uy đã xuất bản với số lượng lớn các tác phẩm như: *Triết học giai cấp tư sản Hoa Kỳ là triết học xâm lược và chiến tranh* của Schersenko (Chu Lượng Huân dịch, Nxb Nhân dân, 1954); *Triết học ngôn ngữ là gì? Nó phục vụ ai?* của Brucean (Lý Kim Thanh dịch, Nxb Nhân dân, 1955); *Luận triết học thực chứng của giai cấp tư sản hiện đại* của Bashitov (nhóm tác giả Viên Văn Đức dịch, Nxb Nhân dân Thượng Hải, 1955); *Phê phán triết học ngôn ngữ* của Trofimov (Tôn Kinh Hạo dịch, Nxb Khoa học, 1956)...

Đĩ nhiên, vấn đề giao lưu Trung - Xô được coi trọng hàng đầu không đồng nghĩa với việc chỉ cho phép dịch tài liệu tiếng Nga. Một số ấn phẩm dịch từ tiếng Anh được xuất bản trong cùng thời kì với các tài liệu trên (như: *Đối lập giữa khoa học và chủ nghĩa duy tâm* của M.C. Cornforth do nhóm Trần Tu Trai dịch, Tam liên thư điểm, 1954; *Phản đối chủ nghĩa thế giới trong văn nghệ, khoa học và triết học* của H. Reese do Đỗ Nhược dịch, Nxb Tri thức thế giới, 1955...) cho thấy vấn đề không ở tình hữu nghị giữa hai nước, mà chủ yếu là ở ý thức hệ cùng chiến tuyến của hai nước anh em. Độc giả Trung Quốc ngày nay hẳn không dễ dàng tìm lại được các ấn phẩm trên, nhưng kí ức về tiếp nhận, giao lưu văn hóa nước ngoài một thời như thế chắc chắn không phai mờ trong tâm tư của cả một thế hệ. Năm 1985, Liên Xô xuất bản bộ *Lịch sử triết học Xô Viết* nhận định lại giai đoạn nghiên cứu triết học phương Tây thập niên 50 (mà Trung Quốc đã đổ sức dịch thuật, quảng bá tuyên truyền không ít tài liệu) đó như sau: “Sự phê phán triết học giai cấp tư sản hiện đại phương Tây thập niên những năm 1950... thường bị biến thành việc “dán mác” này mác kia lên mỗi triết gia, đánh giá tất cả các tư tưởng giai cấp tư sản hiện đại hoặc là triết học phản động, hoặc là triết học lạc hậu...” [2]. Năm 1998, khi Liên Xô đã giải thể gần chục năm, bộ sách này được dịch, xuất bản tại Trung Quốc. Sự phổ biến của bản dịch Trung văn tác phẩm này hẳn cũng là một cách để giới khoa học xã hội nhân văn Trung Quốc nhìn nhận lại sự nghiệp tiếp nhận thành quả nghiên cứu của Liên Xô những năm 50 của thế kỉ XX.

Có thể thấy, trong khoảng thời gian mười năm đầu sau lập quốc, Trung Quốc “nhất biên đảo” (ngã theo chỉ một bên là Liên Xô), cho nên thực tế việc giao lưu, tiếp nhận, dịch thuật văn hóa phương Tây chỉ là với Liên Xô và qua Liên Xô. Lấy ví dụ về triết học, tác giả bài viết “Lược thuật lí luận triết học phương Tây vào phương Đông thế kỉ XX” căn cứ số liệu thống kê từ bộ *Tổng thư mục toàn quốc* đã rút ra nhận xét: Nửa đầu thập niên 50 xuất bản bản dịch sách triết học nước ngoài có hai đặc điểm: 1) Sách phiên dịch, tuyên truyền và học tập chủ nghĩa Mác-Lê chiếm đa số; 2) Sách triết học dịch từ Liên Xô chiếm địa vị chủ đạo [3]. Như nhan đề bài viết đã thể hiện, đây chỉ là nhận xét giới hạn trong phạm vi dịch thuật triết học. Nhưng vì đặc điểm tình hình chính trị đặc biệt của Trung Quốc thập niên đầu tiên sau lập quốc cũng như vai trò “đầu tàu” trong khoa học xã hội nhân văn và ảnh hưởng của nó đối thực tiễn văn nghệ, nên chúng tôi thấy đáng được nêu trích ra đây như là một dẫn chứng góp phần cho thấy ảnh hưởng của giao lưu học thuật nói chung trong quãng thời gian mười lăm năm đầu của nước Trung Quốc mới.

Trên thực tế, từ giữa thập niên 50, công việc dịch thuật, tiếp nhận các trào lưu học thuật nước ngoài tại Trung Quốc được lên kế hoạch khá quy mô, phản ánh tham vọng xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa tiên tiến. Cụ thể là từ năm 1956, nhà xuất bản Nhân dân với sự phối hợp của giới học thuật và dịch thuật đã lên kế hoạch xây dựng *Tổng mục lục 20 năm tuyển dịch danh tác nước ngoài*, dự kiến chọn 1614 tên sách. Các nhà xuất bản lớn như Tam liên thư điểm, Thương vụ ấn thư quán, Tri thức thế giới, Pháp luật, Nhân dân Thượng Hải lần lượt cùng tham dự kế hoạch này. Thương vụ ấn thư quán đi tiên phong trong việc tổ chức dịch, xuất bản các danh tác học thuật lớn nhất của các nước phương Tây từ thế kỉ XVI đến nửa đầu thế kỉ XIX, ưu tiên các tác phẩm thuộc về ba ngọn nguồn của chủ nghĩa Marx: *Triết học cổ điển Đức*, *Kinh tế chính trị Anh* và *Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp*. Nhưng rồi, rốt cuộc tất cả các kế hoạch đều bị gián đoạn hay xếp lại vì xảy ra hết cuộc vận động này đến đợt phát động phong trào chính trị kia. Từ năm 1963 trở đi, rất nhiều bản dịch tác phẩm được coi là “học thuật giai cấp tư sản” chỉ có thể “lưu hành nội bộ”. Cụm từ “giai cấp tư sản” thời kì đó được dùng nhất quán và phổ biến như là một định ngữ chung thay cho từ “phương Tây” khi nói về hầu hết những thứ liên quan đến văn hóa Tây Âu cũng như Hoa Kỳ (chẳng hạn nhan đề bộ sách của Trần Nguyên Huy: *Tuyển tập tư liệu triết học giai cấp tư sản nước ngoài hiện đại*, Nxb Nhân dân Thượng Hải, 1963. Chúng tôi không hiểu sao trong thư mục sách đã xuất bản của tác giả Trần Nguyên Huy trên các trang wikipedia.org [4] và baidu.com [5] không thấy kê tên sách này).

Mặc dù vậy, chính trong giai đoạn này, với sự cố gắng phi thường của các học giả lớn sớm đã vang danh từ thời Dân Quốc (phần đa đều lưu học Anh, Pháp, Đức, Hoa Kỳ và Nhật Bản) như Lam Công Vũ, Quan Văn Vận, Tông Tự Hoa, Vĩ Trác Dân, Hạ Lâm, Chu Quang Tiềm, mà các tác phẩm triết học cổ điển Đức, Hy-La... đã có các bản dịch Hán ngữ. Ví như, đó là bộ ba danh tác *Phê phán lí tính thuần túy*, *Phê phán lí tính thực tiễn*, *Phê phán năng lực phán đoán* của I. Kant; các tác phẩm của G. Hegel, từ *Mĩ học* (Chu Quang Tiềm dịch, 1958) cho đến *Hiện tượng học tinh thần* (Hạ Lâm, Vương Cửu Hưng dịch, 1962); và các danh tác: *Cộng hòa* của Platon (Ngô Hiến Thư dịch, 1957), *Siêu hình học*, *Chính trị học* của Aristotle (Ngô Thọ Bành dịch 1959, 1965); *Về bản chất của Tự nhiên* của T.L. Carus (Phương Vạn Xuân dịch, 1959), *Tự thuật* (Sám hồi lục) của Augustino (Chu Sĩ Lương dịch, 1963)...

Trong suốt vài thập niên sau lập quốc, hoạt động văn học nghệ thuật và lí luận nghiên cứu-phê bình Trung Quốc nói chung rập khuôn Liên Xô. Thủ pháp sáng tác kết hợp giữa chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa với chủ nghĩa lãng mạn cách mạng; xưng tụng các bậc thầy N. Chernyshevsky, V. Belinsky, N. Dobrolyubov; nhấn mạnh văn nghệ là sự phản ánh bằng hình tượng hiện thực đời sống, lấy đề tài từ cuộc sống nhân dân và chủ đề là sự biểu đạt, thể hiện của khuynh hướng tư tưởng tác giả... tất cả những điều đó làm nên cốt lõi lí luận và phương pháp kinh điển của nền văn nghệ Trung Quốc hàng chục năm sau ngày nước Trung Quốc mới thành lập.

Bước vào giữa thập niên 60, toàn bộ hoạt động văn hóa học thuật Trung Quốc chìm dần vào

thảm kịch “thập niên động loạn” - Đại cách mạng văn hóa. Có thể gọi đây là thời của sự tàn phá nền văn học nghệ thuật của bè lũ bốn tên (Tứ nhân bang), là một cuộc “cách cái mạng của văn hóa”, một thảm nạn của cả nước Trung Quốc. Trong giai đoạn ấy, lẽ dĩ nhiên không có thể nói gì đến vấn đề giao lưu, tiếp nhận văn hóa phương Tây được nữa.

2.2. Tiếp nhận các trào lưu tư tưởng phương Tây trong hai thập niên cuối thế kỉ XX

Tình hình “ngăn sông cấm chợ” trong giao lưu học thuật kéo dài hàng thập niên đã được thay đổi từng bước kể từ vài năm cuối của thập niên 70 của thế kỉ XX khi Trung Quốc tiến hành công cuộc Cải cách mở cửa. Có thể nói, thập niên 1980-1990 là mười năm phồn thịnh của việc tiếp nhận văn hóa phương Tây. Đây là thời kì của sự đua tranh ra mắt các bộ “tùng thư” dịch thuật đồ sộ. Nhà xuất bản Nhân dân Tứ Xuyên đã tiên phong xuất bản *Tủ sách hướng về tương lai* gồm hơn trăm tác phẩm các loại, từ khoa học kĩ thuật, khoa học xã hội nhân văn, cho đến triết học, chính trị, pháp luật của các tác giả phương Tây hiện đại. Thương vụ ấn thư quán xuất bản tập 1 (gồm 50 loại sách) bộ *Tùng thư các bản dịch Hán văn danh tác học thuật thế giới* vào năm 1981, cho đến năm 1997 đã cho ra đời lần lượt 7 tập (tổng cộng lên đến 300 loại) - dịch từ Platon, Aristotle; qua thời đại văn nghệ Phục Hưng; đến I. Kant, G. Hegel, J.G. Fichte, G.W. Leibniz, triết học Tây Âu, triết học Pháp,... Nhà xuất bản Dịch văn Thượng Hải cũng tiếp bước xuất bản *Tủ sách triết học phương Tây hiện đại*. Nhà xuất bản Nhân dân Thượng Hải xuất bản *Tủ sách học thuật phương Tây*. Kế đó là sự xuất hiện *Kho sách học thuật phương Tây hiện đại*, *Kho sách Tri Tân* của Tam liên thư điểm (dịch gần trăm danh tác học thuật tiêu biểu của phương Tây cận - hiện đại); *Kho sách tư tưởng phương Tây hiện đại* của Nxb Hoa Hạ; *Tủ sách các nhà tư tưởng nước ngoài nổi tiếng* của Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc; *Tuyển dịch danh tác của các nhà hiền triết thế giới* của Tam liên thư điểm Thượng Hải. Hoạt động dịch thuật và xuất bản sôi nổi đã đưa sự nghiệp truyền bá văn hóa phương Tây tại Trung Quốc trong thập niên 80 - thập niên đầu sau Cải cách mở cửa lên một tầm cao chưa từng có.

Sau Cải cách mở cửa, Trung Quốc đã mở toang cửa đón chào hầu hết các trào lưu tư tưởng học thuật lớn của phương Tây. Một loạt các trường phái, trào lưu như: Chủ nghĩa hiện sinh (của J. Sartre); Chủ nghĩa phi lí tính (của A. Schopenhauer, H. Bergson, F. Nietzsche); Chủ nghĩa Darwin mới (của H. Spencer); Triết học phân tích tinh thần (của S. Freud, J. Lacan); Chủ nghĩa nữ quyền; Chủ nghĩa tân lịch sử;... như đèn kéo quân rong giễu qua một lượt trên đài văn hóa Trung Hoa, tạo nên những ảnh hưởng hoặc lâu dài, hoặc chốc lát, trong những phạm vi lớn nhỏ khác nhau. Hoạt động dịch thuật hết sức sôi động ấy đã dẫn đến hiện tượng bùng phát những “con sốt” Tây học. Từ năm 1987, tại các trường đại học Trung Quốc lần lượt xuất hiện các “con sốt”: J. Sartre, S. Freud, F. Nietzsche, M. Heidegger. “Con sốt” J. Sartre khởi từ sự kiện vở kịch *Buồn nôn* của nhà văn được công diễn ở Thượng Hải. Nxb Dịch văn Thượng Hải và Tam liên thư điểm cùng xuất bản các tác phẩm của J. Sartre. Kể từ năm 1987, khi cuốn *Tồn tại và hư vô* được xuất bản, cho đến năm 1998, hầu hết sáng tác của nhà văn-triết gia này (như *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*, *Ngôn từ*, *Ruồi*, *Kín cửa*...) đều có bản dịch Trung văn. “Con sốt” S. Freud cũng lôi cuốn đông đảo trí thức Trung Quốc lúc bấy giờ. Kể từ năm 1984 - xuất bản cuốn *Phân tâm học nhập môn* (Cao Giác Phu dịch, Thương vụ ấn thư quán xuất bản) cho đến năm 1996 - xuất bản cuốn *Giải mã giấc mơ* (Tôn Danh Chi dịch, Thương vụ ấn thư quán xuất bản), Trung Quốc đã dịch, xuất bản hơn mười đầu sách của S. Freud. Bên cạnh hai “con sốt” trên, cũng cần phải nói tới “con sốt” F. Nietzsche. Từ thời Ngũ Tứ, một số tác phẩm của triết gia-nhà văn Đức này đã được dịch tại Trung Quốc; đến thập niên 80-90, tình hình nghiên cứu, dịch thuật trước tác của nhà triết học được đẩy lên thành cao trào. Khởi đầu là năm 1987 với việc dịch, xuất bản tác phẩm *Zarathustra đã nói như thế* (một bản do Sở Đồ Nam dịch, được ấn hành bởi Nxb Hồ Nam; bản khác do Doãn Minh dịch, ấn hành bởi Nxb Văn hóa nghệ thuật); kế đó là năm 1989 với việc xuất bản tác phẩm *Thượng Đế đã chết* (Uy Nhân dịch, Tam liên thư điểm xuất bản tại Thượng Hải); và liên tục qua các năm tiếp theo cho đến năm 2000, các tác phẩm của

F. Nietzsche đều lần lượt có các bản dịch Hán ngữ.

Có thể nói, hầu như mỗi đại biểu vĩ đại của học thuật phương Tây thế kỉ XX thời kì ấy đều được “sốt” qua một lần tại Trung Quốc. Biểu hiện nổi bật của các “con sốt” tập trung ở việc tổ chức các hội thảo. Các nhà nghiên cứu tại các trường đại học nói riêng, học giả cả nước nói chung bận bịu với những cuộc hội thảo khoa học lớn. Các cuộc hội thảo, hay bất cứ sự kiện dịch thuật, công bố sách, tổ chức phòng vấn nào, theo như cách nói của truyền thông báo chí, đều là “không gì ngoài việc du nhập và vận dụng phương pháp luận”. Không phải ngẫu nhiên mà năm 1985 từng được gọi là “năm phương pháp luận” - đó là năm các viện nghiên cứu, các trường đại học lớn giới thiệu đồng loạt các phương pháp: Hiện tượng học, Tường giải học, Chủ nghĩa nữ quyền, Phân tâm học S. Freud, Tâm lí học phân tích cổ mẫu thần thoại của C. Jung, Cấu trúc luận,...

Trong lúc giới nghiên cứu ở các trường đại học, nhà xuất bản, viện nghiên cứu rộn rã với các hoạt động học thuật nghiên cứu-phê bình văn hóa phương Tây, thì giới sáng tác cũng không ngừng hoạt động. Văn đàn Trung Quốc khởi sắc hẳn lên. Nhiều trào lưu văn học ra đời đem lại cơn gió mới cho sinh hoạt văn chương toàn quốc: Văn học vết thương (伤痕文学), Văn học phản tư (反思文学), Văn học tâm căn (伤痕文学), Tiểu thuyết tiên phong (先锋小说), Tiểu thuyết tân tả thực (新写实小说), Tiểu thuyết chủ nghĩa lịch sử mới (新历史主义小说), Văn học tính nữ (女性文学),... Tuy nhiên, ảnh hưởng của các trào lưu văn-triết phương Tây đối với văn học Trung Quốc có tác động trực tiếp và cho thấy hệ quả nhanh nhất chính là ở lĩnh vực phê bình-nghiên cứu. Còn đối với thực tiễn sáng tác, đó là sự ảnh hưởng gián tiếp và được biểu hiện nơi các tác phẩm một cách chậm rãi, lâu dài hơn. Không ít nhà văn đã có ý thức học tập, vận dụng các thủ pháp nghệ thuật phương Tây trong sáng tác. Trong số những tác giả nổi tiếng thập niên 1980 mà sáng tác bộc lộ rõ dấu ấn ảnh hưởng từ văn học phương Tây có thể kể đến Vương Mông với các thiên truyện mang đậm đặc trưng tiểu thuyết “dòng ý thức”. Bên cạnh đó, tác phẩm của Du Hoa cho thấy dấu vết ảnh hưởng từ sáng tác của F. Kafka, Alain Robbe-Grillet; tác phẩm của Tôn Cam Lộ và Cách Phi chịu ảnh hưởng từ tác phẩm của Jorge Luis Borges - người được coi là cha đẻ của Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo Mỹ Latinh.

Như vậy, về phương diện sáng tác, văn học Trung Quốc từ thập niên đầu sau Cải cách mở cửa đã có sự trải nghiệm qua hầu hết các trào lưu tư tưởng phương Tây như: Chủ nghĩa biểu hiện (Expressionnisme), Tâm phân học (Psychoanalysis), Chủ nghĩa tượng trưng (Symbolism), Dòng ý thức (Stream of consciousness), Sân khấu phi lý (Theatre of the Absurd), Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo (Magic Realism). Cũng vậy, về phương diện phê bình-nghiên cứu, văn học Trung Quốc đã đi từ sự coi trọng tính “tự nó” của văn bản, nhấn mạnh đặc trưng thể loại, lần lượt hoặc đồng thời vận dụng tư tưởng của các trào lưu, từ Phê bình mới, Chủ nghĩa hình thức Nga, Phê bình cổ mẫu, Cấu trúc luận, học thuyết Freud, học thuyết Lacan (coi trọng tâm lí chủ thể sáng tạo); đến Tường giải học, Mĩ học tiếp nhận (coi trọng vai trò tiếp nhận của độc giả),... Chưa hết, các trào lưu Tự sự học, Chủ nghĩa hậu hiện đại, Chủ nghĩa tân lịch sử, Chủ nghĩa hậu thực dân cũng đều được giới thiệu, phiên dịch và vận dụng.

Nếu nói riêng về lí luận phê bình Trung Quốc, chúng tôi nhận thấy sự biến chuyển lớn lao đầu tiên sau khi tiếp cận, du nhập các trào lưu tư tưởng phương Tây thể hiện ở sự tỉnh ngộ của ý thức chủ thể phê bình. Các nhà phê bình văn chương Trung Quốc đã “phát hiện” ra rằng, những tương phê bình là đang bình luận tác phẩm, tác giả, nhưng thực ra anh ta cũng đang bình luận chính mình. Và khi nhà phê bình đang bình luận một hiện tượng văn học thì cũng là lúc anh ta đem những hiểu biết, những mơ ước, những biện bạch của mình hòa vào trong tác phẩm. Thành ra, cái mà nhà phê bình bình luận không phải là cái tạo tác của tác giả - vật tồn tại khách quan hoặc cũng có thể nói là “khách thể khách quan”, mà chỉ là cái mà bản thân nhà phê bình trải nghiệm được. Nhà phê bình, thực tế chính là đang trình bày về mối quan hệ hay tác động tương hỗ giữa chủ thể và khách thể bình luận. Quá trình phê bình cũng chính là quá trình thực hiện cái “tôi” đọc-hiểu của chính mình. Do đó có thể nói, cùng với sự tác động của giao lưu học thuật

phương Tây, diện mạo hoạt động phê bình-nghiên cứu văn học tại Trung Quốc những năm sau Cải cách mở cửa đã có những đổi mới mạnh mẽ.

Sự bùng nổ thành cao trào của việc tiếp nhận ảnh hưởng tư tưởng phương Tây trong những ngày đầu của công cuộc Cải cách mở cửa dĩ nhiên có nguyên nhân văn hóa-xã hội trực tiếp của nó. Nguyên nhân lớn nhất không gì ngoài tình trạng tự “đóng cửa” đặng đặng trước mọi làn sóng học thuật phương Tây vừa được dỡ bỏ. Nhưng nói một câu gọn ghẽ như vậy hẳn không thể cắt nghĩa được cơn sốt cao độ của giới trí thức Trung Quốc đại lục trước công cuộc đón nhận ảnh hưởng bạo liệt của các luồng tư tưởng học thuật phương Tây lúc đó. Thế giới đều biết, công cuộc Cải cách mở cửa của Trung Quốc không chỉ là một hành động hướng vào tương lai, căn bản hơn, nó chấm dứt hoàn toàn một thập niên mà hầu như toàn bộ nền tảng khoa học xã hội nhân văn của đất nước này đã bị tê liệt vì cuộc Đại cách mạng văn hóa hoành hành. Giai tầng trí thức Trung Quốc vừa thoát kiếp nạn “đấu tranh giai cấp” trong khi đời sống vật chất đã được cải thiện nhờ những gặt hái bước đầu trong cải cách kinh tế. Khắp nơi trên toàn cõi Đại lục đang hô hào tinh thần “thực sự cầu thị”, “trí thức kiến quốc”, trong không khí đó, sự dẫn nhập trở lại văn hóa phương Tây (công cuộc này thực ra đã có quy mô vào thời Ngũ Tứ và Dân Quốc) quả có thể nói là giống như “trời hạn gặp mưa rào” (thơ cổ Trung Quốc có câu “Cửu hạn phùng cam vũ”) vậy.

Thế nhưng, đã là những “cơn sốt” thì ít nhiều thường đi kèm với những biểu trạng “tiêu cực”. Sự tiếp nhận các trào lưu văn-triết phương Tây tại Trung Quốc thập niên sau cùng của thế kỉ XX bên cạnh những thành quả đích thực, đã không tránh khỏi sự phù phiếm, bóng bẩy. Chúng tôi nhận thấy nổi lên hai đặc điểm tiêu cực. Thứ nhất, không hiếm lúc, việc phê bình-nghiên cứu đã trở thành trò chơi thuật ngữ, trốn tránh việc quan tâm thực sự đến tác phẩm và người đọc. Thay vì phải nghiên cứu cả một hệ thống khái niệm thuật ngữ của trường phái học thuật phương Tây danh tiếng, các nhà phê bình, dịch thuật đôi khi mạnh ai nấy dịch, mạnh ai nấy ca tụng tác gia và trước tác mà mình quan tâm. Giới học thuật Trung Quốc đều nhớ đến “cơn sốt” giải thích khái niệm “văn bản” khi dẫn nhập trào lưu Phê bình mới (New Criticism) của Anh - Mỹ. Sự lạm dụng khái niệm này trong nghiên cứu-phê bình văn chương một thời đã gây ác cảm cho người đọc phổ thông. Những người không có nền tảng đào tạo văn khoa và không có ngoại ngữ từng không thể hiểu nổi lối cắt nghĩa khái niệm “giải cấu” (deconstruction) trong cơn sốt dịch thuật và tiếp cận trào lưu Giải cấu trúc luận (Deconstructivism) vào thập niên 90 của thế kỉ XX. Và điều tai hại là, trong khi nhóm nhỏ các nhà phê bình-nghiên cứu này đang xa rời số đông bạn đọc cũng như thực tiễn sáng tác bản địa, thì họ đồng thời cũng vô tình hay hữu ý làm hình thành hiện tượng đáng lo ngại: người đọc hoang mang, còn nhà phê bình thì cố tỏ vẻ trách móc trình độ số đông. Tệ hại hơn, những nhà phê bình-nghiên cứu “ngoại ngữ nửa vời” đó còn tự cho mình cái quyền “khinh thị” độc giả, tự cao tự đại gánh vác gánh nặng truyền bá học thuật. Điểm tiêu cực thứ hai, đó là hoạt động dịch thuật, giới dẫn, thảo luận học thuật đi gần đến trò diễn và “làm sự kiện”. Vốn mang thiên chức cầu nối giữa nhà văn với bạn đọc, dẫn đạo văn hóa đọc - một hoạt động sáng tạo, có vai trò là lực đẩy, kích thích sự sáng tác; thì giờ đây, trước tác động của kinh tế thị trường, phê bình-nghiên cứu mượn danh vận dụng các lí luận phương Tây lại trở thành trò diễn thời thượng cao sang, tung hứng, tạo tiếng vang cho sáng tác, lăng xê tác phẩm và tác giả vì mục đích quảng cáo, tiêu thụ sách hay “tiếp thị bản thân”. Mỗi một lần giới dẫn một trào lưu mới phương Tây là một lần kéo theo chuỗi sự kiện “hội thảo khoa học” kèm “giới thiệu ấn phẩm dịch thuật”. Nhiều cuộc thăm viếng Trung Quốc của khách mời - các học giả lớn phương Tây - đã bị lợi dụng gắn kèm với các hoạt động mang danh tổ chức sự kiện, mà kì thực chỉ để làm đề tài cho truyền thông và xuất bản báo chí. Nói chung, khuynh hướng “trò diễn”, “sự kiện hóa” của phê bình-nghiên cứu trong tiếp nhận các trào lưu văn luận phương Tây ở thập niên sau cùng của thế kỉ XX, trong những trường hợp tiêu cực, rõ ràng đã góp phần khiến cho hoạt động văn nghệ đi đến bên bờ của sự phù phiếm, bê nổi hóa. Đó là điều trái ngược và bất lợi đối với ước nguyện tốt đẹp là tiếp nhận hải ngoại nhằm “bản địa hóa”, vươn đến tâm vận dụng để sáng tạo, làm phong phú thêm kho tàng văn luận truyền thống, tìm chỗ tương thông giữa Trung Hoa và thế giới.

3. Kết luận

Mười năm cuối của thế kỉ XX là một quang cảnh mới của văn học cũng như học thuật Trung Quốc. Nếu như phê bình văn học bắt đầu làm quen với các cụm từ như “sách bán chạy”, “nhà văn hot”...; thì văn đàn Trung Quốc cũng sản sinh các “đặc sản” thời đại như tiểu thuyết ngôn tình”, “văn học lánh loại” (linglei wenxue), “văn học bã từ” (pizi wenxue - chúng tôi từng dùng cụm từ “văn học du côn” để chỉ hiện tượng văn học này). Sự tiếp nhận các trào lưu tư tưởng phương Tây giai đoạn này, so với mười năm đầu sau Công cuộc cải cách, đi vào chiều sâu, trầm lắng hơn. Các trường phái, trào lưu tư tưởng mới phương Tây như Chủ nghĩa Hậu hiện đại, Giải cấu trúc luận đều được giới dẫn; các tác phẩm tiêu biểu của các đại biểu lớn như M. Foucault, J. Lacan, J. Derrida, R. Barthes đều có các bản dịch, được xuất bản và tái bản tại Trung Quốc. Sự giao lưu, tiếp nhận rộng rãi các trào lưu văn học hiện đại thế giới không những đã giúp cho học thuật Trung Quốc tránh được phần nào sự tụt hậu như chúng tôi đã nói ban đầu, mà còn có ý nghĩa nâng tầm các sáng tác, “mang đến cho sáng tác của nhà văn cái nhìn mới, kinh nghiệm văn học mới và phương thức biểu đạt mới” [6].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Quang Vũ chủ biên, 2019. *60 năm văn học đương đại Trung Quốc*, Đỗ Văn Hiều dịch, Nxb Phụ nữ Việt Nam, tr. 203.
- [2] V.E. Evgrafov chủ biên, 1998. *Lịch sử triết học Xô Viết*, Giả Trạch Lâm dịch, Thương vụ ấn thư quán, tr. 484 (Evgrafov, V.E 主編, 1998. *苏联哲学史*, 賈澤林譯, 商務印書館, 484页).
- [3] Xem Trần Ứng Niên, Trần Triệu Phúc, 2001. “Lược thuật lí luận triết học phương Tây vào phương Đông thế kỉ XX”, *Tủ sách triết học*, kì 2 (陈应年 陈兆福, 2001. “20 世纪西方哲学理论东渐述要” (下), *哲学译丛*, 第 2 期).
- [4] Xem “Trần Nguyên Huy”, *wikipedia.org* (陈元晖, 维基百科, 自由的百科全书), truy cập 2/9/2021.
- [5] Xem “Trần Nguyên Huy - nhà văn, nhà tâm lí học Trung Quốc”, *baidu.com* (陈元晖 - 中国心理学家、作家), 百度百科, truy cập 2/9/2021.
- [6] Trần Quang Vũ chủ biên, 2019. *Sđd*, tr. 195.

ABSTRACT

On the reception of the influence from Western philosophical trends on Chinese literature by the second half of the 20th century

Nguyen Thi Mai Chanh

Faculty of Philology, Hanoi National University of Education

Upon the 90s of 20th century, in the diversification as well as ‘complexity’ of social and cultural norms, the highness of Chinese literary reform slowed down. The vibrant artistic peaks, under the influence of Western philosophical trends, gradually cooled off. It was known that enlightened spirit that shined brightly in the beginning of the reform was unlikely to replicate in all corners of secular society – a society in which successful businessmen were the main driver. Meanwhile, not going public in bookstores, in theaters, or on television means that arts remained a display item. Therefore, art was never closer to the market like this period. Literature tended to depart from the central norms into the periphery. Chinese academics in general and literature in particular, at that time, were not lagging behind the synchronic advances in the West because it was inherited from an earlier period of ideological liberalization in which researchers as well as literary authors were trained on the basics. This essay studies the reception of the influence from Western philosophical trends on Chinese literature by the second half of the 20th century with the aim of partly explaining the above phenomenon.

Keywords: reception, translation, influence, Western philosophical trends, Chinese literature.